

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 51



Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61121159/18517363

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

2-001
TY
H
VOUP
AM
ANH
OI
T.P.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.498.833.017.587	2.500.344.309.533
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	765.667.814.453	1.495.505.138.006
111	1. Tiền		765.667.814.453	1.495.505.138.006
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		722.978.664.511	994.744.346.517
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	272.689.029.763	330.821.990.137
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	82.582.030.140	40.082.115.945
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	60.000.000.000	200.000.000.000
136	4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7	311.628.148.752	443.577.977.757
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1; 7	(3.920.544.144)	(19.737.737.322)
140	III. Hàng tồn kho		6.526.601	11.457.802
141	1. Hàng tồn kho		6.526.601	11.457.802
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		10.180.012.022	10.083.367.208
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.785.842.618
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	10.180.012.022	8.297.524.590

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.601.217.879.250	11.526.728.046.745
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.199.568.573.607	291.568.573.607
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	1.199.568.573.607	291.568.573.607
220	II. Tài sản cố định		390.811.422.211	390.768.837.450
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	11.501.272.227	13.544.853.007
222	Nguyên giá		72.042.819.094	70.322.972.630
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.541.546.867)	(56.778.119.623)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	379.310.149.984	377.223.984.443
228	Nguyên giá		392.732.580.822	387.996.930.834
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.422.430.838)	(10.772.946.391)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		870.212.282.380	814.083.822.273
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	870.212.282.380	814.083.822.273
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	10.125.368.881.644	10.014.794.180.280
251	1. Đầu tư vào công ty con		9.818.384.768.883	9.172.621.868.883
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.005.951.403.394	2.005.951.403.394
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		345.011.150.561	346.005.432.143
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.043.978.441.194)	(1.509.784.524.140)
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.256.719.408	15.512.633.135
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.256.719.408	15.512.633.135
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.100.050.896.837	14.027.072.356.278

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		478.041.070.740	1.141.677.105.973
310	I. Nợ ngắn hạn		478.041.070.740	466.667.919.912
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	182.593.258.994	210.036.809.622
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.795.004.800	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	93.785.495.759	78.231.752.079
314	4. Phải trả người lao động		50.086.992.164	50.859.746.872
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	21.387.383.628	26.416.219.733
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.077.806.364	696.213.637
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	66.332.119.240	63.534.370.007
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	54.983.009.791	36.892.807.962
330	II. Nợ dài hạn		-	675.009.186.061
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	675.009.186.061
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.622.009.826.097	12.885.395.250.305
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	13.622.009.826.097	12.885.395.250.305
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		13.005.964.974.843	12.360.202.074.843
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		97.859.545.560	97.859.545.560
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		518.185.305.694	427.333.629.902
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.100.050.896.837	14.027.072.356.278

Người lập
Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung



Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

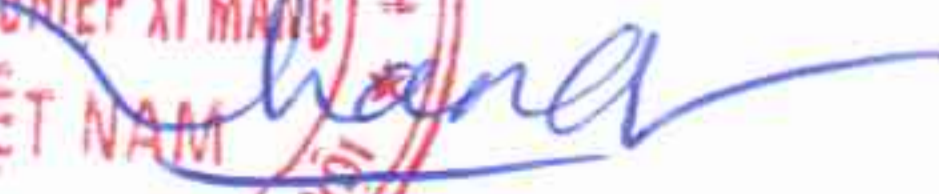
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	671.323.043.410	618.196.918.099
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	671.323.043.410	618.196.918.099
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(315.446.082.182)	(364.151.280.333)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		355.876.961.228	254.045.637.766
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	689.894.649.496	831.377.909.217
22	7. Chi phí tài chính	23	(539.567.640.406)	(858.963.431.755)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(2.528.444.444)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(166.618.821)	(283.676.787)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(197.795.971.457)	(73.387.315.705)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		308.241.380.040	152.789.122.736
31	11. Thu nhập khác		249.425.261	38.647.680
32	12. Chi phí khác		(5.651.885.993)	(5.892.706.528)
40	13. Lỗ khác		(5.402.460.732)	(5.854.058.848)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		302.838.919.308	146.935.063.888
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(667.829.562)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		302.838.919.308	146.267.234.326



Người lập
Trịnh Thị Hương



Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung

Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		302.838.919.308	146.935.063.888
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, khấu trừ tài sản cố định		6.412.911.691	7.181.105.685
03	Các khoản dự phòng		518.376.723.876	719.178.818.303
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.423.462.254)	(412.133.432)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(677.874.696.710)	(814.843.591.542)
06	Chi phí lãi vay	23	-	2.528.444.444
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		140.330.395.911	60.567.707.346
09	Giảm các khoản phải thu		26.351.611.161	179.852.712.686
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		4.931.201	(3.295.198)
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(28.942.458.227)	(74.532.313.907)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		255.913.727	(14.293.382.252)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	2.198.307.200
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(2.511.777.776)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.1	-	(539.409.253)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.097.022.682)	(14.678.068.269)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		124.903.371.091	136.060.480.577
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(53.710.630.510)	(147.244.033.857)
23	Tiền chi cho vay		(772.000.000.000)	(600.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, thu hồi quỹ ủy thác đầu tư		4.000.000.000	453.867.548.762
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		-	(5.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	168.433.488.750
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		800.003.597.501	572.408.154.056
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(21.707.033.009)	442.465.157.711

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		53.165.606.773	230.221.922.180
34	Tiền trả nợ gốc vay		(728.174.792.834)	(135.000.000.000)
36	Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước		(167.447.937.828)	(52.863.934.051)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(842.457.123.889)	42.357.988.129
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(739.260.785.807)	620.883.626.417
60	Tiền đầu năm	4	1.495.505.138.006	874.435.588.752
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ		9.423.462.254	185.922.837
70	Tiền cuối năm	4	765.667.814.453	1.495.505.138.006



Người lập
Trịnh Thị Hương



Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung




Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một doanh nghiệp nhà nước, tiền thân là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 189/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 12 năm 2007.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2011.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là:

- ▶ kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng và các loại sản phẩm từ xi măng;
- ▶ đầu tư các dự án xây dựng;
- ▶ lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, thẩm tra dự án, giám sát thi công, thiết kế; và
- ▶ các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 390 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 408 người).

Cơ cấu tổ chức

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con như sau:

Các đơn vị trực thuộc bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- ▶ Ban Quản lý Vicem;
- ▶ Ban Quản lý Dự án Nhà máy kết cấu bê tông – vật liệu xây dựng không nung Đông Hải, Quỳnh Lưu, Nghệ An; và
- ▶ Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- ▶ Viện Công nghệ Xi măng Vicem.

Các công ty con là công ty TNHH một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn:

- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng;
- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch; và
- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con là các công ty cổ phần:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các công ty con là công ty cổ phần như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết trong Hội đồng Quản trị
1. Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	73,15%	73,15%
2. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	79,51%	79,51%
3. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	70,96%	70,96%
4. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Số 360 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	79,69%	79,69%
5. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Số 65 Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	75,75%	75,75%
6. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Xã Thống Nhất, huyện Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh	65,76%	65,76%
7. Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	51,21%	51,21%
8. Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	65,81%	65,81%
9. Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Số 348 Giải Phóng Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	59,64%	59,64%
10. Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Số 21B Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	62,95%	62,95%
11. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Số 290 đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	53,86%	53,86%
12. Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	51,61%	51,61%
13. Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Số 1 đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	63,63%	63,63%
14. Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	KM số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã lập báo cáo tài chính riêng này cho mục đích báo cáo cho các cơ quan nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Tổng Công ty hiện cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Theo Quyết định số 841/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ký ngày 1 tháng 6 năm 2011 phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Vicem là công ty mẹ trong Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có các đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị phụ thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN được ban hành bởi Hội đồng Thành Viên của Tổng Công ty ngày 15 tháng 6 năm 2011, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng Công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng do Tổng Công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các năm tài chính trước không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho cùng kỳ tài chính.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả các báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ,...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện v.v.. giữa Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc với nhau được cân trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

10081
 C
 RNS
 VII
 CHI
 H
 VN KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc áp dụng cho việc lập báo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được lập bằng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v...) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

180
ÔNG
TNH
&
TI
NH
À N
EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng lô đất ký hiệu 10E6 tại khu Đô thị mới Cầu Giấy, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội với diện tích 8.476m² được giao trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 1 tháng 11 năm 2010 theo Quyết định số 5386/QĐ-UBND do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 1 năm 2010 nhằm mục đích xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 4 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

2-0
TY
H
YOI
VAN
AN
DI
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23 tháng 11 năm 2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản lợi nhuận được điều chuyển từ các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn về Tổng Công ty theo các quyết định của Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty, cũng như các khoản cổ tức được chia từ công ty con là công ty cổ phần sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận là doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Chi phí lương

Chi phí lương trong năm tài chính 2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 1 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ đã hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức bằng tiền

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng

Trong các năm tài chính trước, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam áp dụng Thông tư 220/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Công văn số 15716/BTC-TCDN do Bộ Tài Chính ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2014 về việc theo dõi, hạch toán số cổ phiếu được chia của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, theo đó đối với các cổ phiếu Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nhận được từ việc chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) từ năm 2013 trở đi, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam hạch toán tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tài chính tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

Kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam áp dụng hướng dẫn theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, theo đó đối với cổ phiếu nhận được từ việc chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) hoặc không phải do chia cổ tức (cổ phiếu thưởng), Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam căn cứ vào số lượng cổ phiếu nhận được, ghi sổ và phản ánh trên báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành đối với các doanh nghiệp.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

8118
CÔN
TN
ST &
VIỆT
CHI N
HÀ
KIẾP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

02-C
 3 TY
 HH
 YC
 NA
 HÁP
 NỘI
 1-7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	910.725.746	718.208.513
Tiền gửi ngân hàng	764.757.088.707	1.494.786.929.493
TỔNG CỘNG	<u>765.667.814.453</u>	<u>1.495.505.138.006</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>(Trình bày lại)</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	1.435.704.475	23.418.607.225
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 27)</i>	271.253.325.288	307.403.382.912
TỔNG CỘNG	<u>272.689.029.763</u>	<u>330.821.990.137</u>
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(3.920.544.144)</i>	<i>(17.089.587.322)</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo):

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Số đầu năm	17.089.587.322	60.028.924.153
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.522.076.724	2.276.467.818
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(14.691.119.902)	(45.215.804.649)
Số cuối năm	<u>3.920.544.144</u>	<u>17.089.587.322</u>

5.2 Trả trước cho người bán

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	35.623.656.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	20.996.095.271	-
Trả trước cho người bán khác	4.869.128.986	4.458.459.945
TỔNG CỘNG	<u>82.582.030.140</u>	<u>40.082.115.945</u>

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn (i)		
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	40.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	20.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>60.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
Dài hạn (ii)		
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	736.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Bút Sơn	246.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	17.568.573.607	17.568.573.607
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	-	24.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.199.568.573.607</u>	<u>291.568.573.607</u>

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bao gồm:

Bên vay	Hợp đồng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	2661/VICEM-TCKT	40.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017.	5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	223/XMVN-KTTC	20.000.000.000	Đáo hạn vào tháng 3 và tháng 9 năm 2017.	10,8%/năm	Không
	TỔNG CỘNG	60.000.000.000			

(ii) Chi tiết các khoản cho vay dài hạn bao gồm:

Bên vay	Hợp đồng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	390/VICEM-KTTC và 34/VICEM-KTTC&NV	200.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2018.	5,5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	2666/VICEM-TCKT và 2120/VICEM - TCKT	246.000.000.000	Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 26 tháng 10 năm 2018.	7%/năm	Không
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	1560/XMVN-KTTC	17.568.573.607	Thời hạn cho vay là 3 năm kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2013 và được gia hạn đến ngày 25 tháng 4 năm 2020.	7%/năm	Không
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	2447; 101; 870; 1761; 1148/VICEM- KTTC&NV và 2661; 05/VICEM-TCKT	736.000.000.000	Theo từng hợp đồng vay và có kỳ hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2018, với hợp đồng cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.	Từ 5% đến 7%/năm	Không
	TỔNG CỘNG	1.199.568.573.607			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lợi nhuận, cổ tức được chia	234.622.253.461	-	367.861.514.196	-
Phải thu lãi cho vay	48.280.765.257	-	38.055.201.693	(2.648.150.000)
Phải thu Nhà nước về chi phí cổ phần hóa	9.049.283.218	-	9.049.283.218	-
Phải thu các đơn vị thành viên phí bản quyền Oracle	6.350.296.364	-	6.350.296.364	-
Phải thu các đơn vị thành viên tiền hỗ trợ huyện nghèo	200.000.000	-	5.730.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.088.344.856	-	4.129.314.606	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	338.051.101	-	3.130.900.075	-
Phải thu khác	11.699.154.495	-	9.271.467.605	-
TỔNG CỘNG	311.628.148.752	-	443.577.977.757	(2.648.150.000)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>24.678.356.982</i>	<i>-</i>	<i>30.892.958.116</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 27)</i>	<i>286.949.791.770</i>	<i>-</i>	<i>412.685.019.641</i>	<i>(2.648.150.000)</i>

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	31.091.857.610	2.266.564.920	20.434.181.267	16.530.368.833	70.322.972.630
- Mua trong năm	-	75.500.000	1.367.776.464	276.570.000	1.719.846.464
Số dư cuối năm	31.091.857.610	2.342.064.920	21.801.957.731	16.806.938.833	72.042.819.094
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	18.139.422.034	1.173.854.743	16.475.166.721	8.227.479.373	44.015.922.871
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	22.952.880.116	1.437.382.228	18.893.284.764	13.494.572.515	56.778.119.623
- Khấu hao trong năm	376.560.228	214.178.611	787.030.639	2.385.657.766	3.763.427.244
Số dư cuối năm	23.329.440.344	1.651.560.839	19.680.315.403	15.880.230.281	60.541.546.867
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	8.138.977.494	829.182.692	1.540.896.503	3.035.796.318	13.544.853.007
Số dư cuối năm	7.762.417.266	690.504.081	2.121.642.328	926.708.552	11.501.272.227

(*) Nguyên giá tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5,8 tỷ đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng Công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng Công ty sẽ xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	374.116.278.348	9.732.247.886	4.148.404.600	387.996.930.834
- Mua trong năm	-	4.588.999.988	146.650.000	4.735.649.988
Số dư cuối năm	374.116.278.348	14.321.247.874	4.295.054.600	392.732.580.822
<i>Trong đó</i>				
Đã khấu hao hết	-	2.632.247.886	4.148.404.600	6.780.652.486
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	-	6.714.257.678	4.058.688.713	10.772.946.391
- Hao mòn trong năm	-	2.547.547.727	101.936.720	2.649.484.447
Số dư cuối năm	-	9.261.805.405	4.160.625.433	13.422.430.838
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	374.116.278.348	3.017.990.208	89.715.887	377.223.984.443
Số dư cuối năm	374.116.278.348	5.059.442.469	134.429.167	379.310.149.984

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Cầu Giấy, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Thuyết minh số 3.5). Tổng Công ty chưa thực hiện trích hao mòn giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem (Thuyết minh số 10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng cơ bản		
Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem (i)	763.629.782.675	714.975.478.784
Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy (ii)	60.081.866.273	60.081.866.273
Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung (iii)	42.584.161.535	35.432.712.355
Chi phí khảo sát, lập dự án khu cảng Đông Hồi (iv)	2.283.961.818	1.864.870.909
Xây dựng cơ bản dở dang khác	1.571.820.079	-
	870.151.592.380	812.354.928.321
Mua sắm		
Mua sắm tài sản cố định	60.690.000	1.728.893.952
	60.690.000	1.728.893.952
TỔNG CỘNG	870.212.282.380	814.083.822.273

(i) Dự án nhà Điều hành và Giao dịch Vicem được triển khai theo Quyết định phê duyệt số 2208/QĐ-XMVN ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty và Giấy Chứng nhận đầu tư số 01121000884 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành ngày 20 tháng 9 năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến là 1.482 tỷ đồng. Tuy nhiên, để thực hiện đúng theo ý kiến chỉ đạo chung của Chính phủ về việc thoái vốn đầu tư đối với các lĩnh vực ngoài ngành cũng như tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, vào ngày 2 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 398/VICEM-HĐTV đến Bộ Xây Dựng để báo cáo và xin ý kiến về việc:

- Tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng toàn bộ dự án Trung tâm điều hành và giao dịch Vicem; và
- Thuê hoặc mua lại một phần diện tích tòa nhà của dự án để làm trụ sở văn phòng mới của Tổng Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, chủ trương về chuyển nhượng Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem đang được xem xét và phê duyệt bởi các cơ quan quản lý Nhà nước.

(ii) Dự án xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy được triển khai theo Quyết định số 1000/QĐ-XMVN được ban hành bởi Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ngày 4 tháng 7 năm 2012, với tổng mức đầu tư là 6,5 nghìn tỷ đồng. Vào ngày 27 tháng 11 năm 2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000. Theo đó, Tổng Công ty đang trong quá trình xem xét, đánh giá để điều chỉnh lại phương án kiến trúc, kỹ thuật, thiết kế của Dự án này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Dự án vẫn chưa được cấp Giấy phép Đầu tư Xây dựng.

(iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ban hành bởi Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ngày 9 tháng 6 năm 2010 với tổng mức đầu tư ước tính khoảng 819 tỷ đồng.

(iv) Dự án khảo sát, lập dự án khu cảng Đông Hồi được thực hiện theo Văn bản chấp thuận số 242/XMVN-HĐQT do Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2010.

Theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng Công ty số 1834/NQ-Vicem ngày 8 tháng 9 năm 2016, các dự án Nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung và cảng Đông Hồi đã được Hội đồng Thành viên Tổng Công ty chấp thuận, chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để tiếp tục thực hiện đầu tư. Tuy nhiên, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, các thay đổi liên quan đến tiến độ thực hiện dự án, nguồn vốn đầu tư và công tác chuyển giao chưa được hoàn thành và được phê duyệt bởi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng như các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan. Chi phí đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu liên quan đến chi phí quản lý dự án.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm tài chính 2016, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 33,7 tỷ đồng Việt Nam (2015: 56,4 tỷ đồng Việt Nam). Các khoản chi phí đi vay này chủ yếu liên quan đến khoản vay phục vụ cho dự án đầu tư Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc		
Đầu tư vào công ty con	9.818.384.768.883	(1.991.657.504.376)	7.826.727.264.507	9.172.621.868.883	(1.461.107.384.414)	7.711.514.484.469
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.005.951.403.394	(11.040.000.000)	1.994.911.403.394	2.005.951.403.394	(9.000.000.000)	1.996.951.403.394
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	345.011.150.561	(41.280.936.818)	303.730.213.743	346.005.432.143	(39.677.139.726)	306.328.292.417
TỔNG CỘNG	12.169.347.322.838	(2.043.978.441.194)	10.125.368.881.644	11.524.578.704.420	(1.509.784.524.140)	10.014.794.180.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đầu năm	1.509.784.524.140	653.969.340.621
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm (*)	649.436.035.680	906.245.838.626
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(115.242.118.626)</u>	<u>(50.430.655.107)</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cuối năm (*)	<u>2.043.978.441.194</u>	<u>1.509.784.524.140</u>

(*) Chủ yếu bao gồm khoản dự phòng được trích lập trong năm 2016 liên quan đến phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long. Đây là một đơn vị được chuyển giao về Tổng Công ty từ Tổng Công ty Sông Đà (xem Thuyết minh số 12.1). Tại ngày nhận chuyển giao và ngày 31 tháng 12 năm 2016, lỗ lũy kế của công ty này đã vượt quá tổng vốn góp của chủ sở hữu.

Số dư dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu bao gồm các khoản dự phòng được trích lập cho các khoản lỗ phát sinh của các công ty con của Tổng Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng, Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp và Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Các công ty con là công ty TNHH Một thành viên					
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.323.625.122.434	100,00%	1.323.625.122.434	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.132.027.198.900	100,00%	1.132.027.198.900	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.021.101.622.719	100,00%	1.021.101.622.719	100,00%	100,00%
Các công ty con là công ty cổ phần					
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.584.434.333.100	79,69%	2.584.434.333.100	79,69%	79,69%
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	898.556.152.000	79,51%	898.556.152.000	79,51%	79,51%
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	733.291.747.950	73,15%	733.291.747.950	73,15%	73,15%
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (i)	645.762.900.000	65,76%	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	510.918.000.000	70,96%	510.918.000.000	70,96%	70,96%
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (ii)	314.637.600.000	75,75%	305.957.600.000	76,55%	76,55%
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	279.365.401.780	62,95%	279.365.401.780	62,95%	62,95%
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (iii)	120.000.000.000	63,63%	120.000.000.000	63,63%	63,63%
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	92.096.300.000	50,08%	92.096.300.000	50,08%	50,08%
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	65.147.000.000	65,81%	65.147.000.000	65,81%	65,81%
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	41.990.150.000	51,21%	41.990.150.000	51,21%	51,21%
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	35.786.140.000	59,64%	35.786.140.000	59,64%	59,64%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải xi măng Hải Phòng	16.290.600.000	53,86%	16.290.600.000	53,86%	53,86%
Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát (ii)	-	-	8.680.000.000	55,45%	55,45%
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	3.354.500.000	51,61%	3.354.500.000	51,61%	51,61%
TỔNG CỘNG	9.818.384.768.883		9.172.621.868.883		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.991.657.504.376)		(1.461.107.384.414)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo):

- (i) Căn cứ theo Văn bản số 33/VPCP-ĐMDN ngày 7 tháng 1 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chủ trương chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty. Căn cứ theo văn bản này, vào ngày 20 tháng 1 năm 2016, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-BXD về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty theo hình thức ghi tăng - ghi giảm vốn với số lượng cổ phần được chuyển giao là 64.576.290 cổ phần (645.762.900.000 đồng), tương ứng với 65,76% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long. Theo đó, Tổng Công ty đã chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2016 sau khi Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long hoàn tất việc chuyển đổi và đăng ký cổ phần được chuyển giao cho Tổng Công ty.
- (ii) Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân đã hoàn thành việc chào bán bổ sung cổ phiếu để hoán đổi với toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát, một công ty con khác của Tổng Công ty với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu và theo tỷ lệ là 1:1. Theo đó, giá trị đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân được ghi nhận tăng trong năm với số tiền là 8.680.000.000 đồng Việt Nam, tương ứng với 868.000 cổ phiếu và tương ứng với giá trị vốn đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận giảm tại Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát.
- (iii) Theo Thông báo số 72/TB-VPCP do Văn phòng Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 3 năm 2015 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về Dự án Khu đô thị Xi măng Hải Phòng hiện đang được Tổng Công ty giao cho Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng thực hiện triển khai, Chính phủ đã thống nhất chủ trương về việc Tổng Công ty không tiếp tục thực hiện Dự án Khu Đô thị Xi măng Hải Phòng và bàn giao lại khu đất của Dự án này cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng trong năm 2015. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng sẽ được hoàn trả các khoản chi phí đã chi trả trong quá trình thực hiện và triển khai Dự án này (tương ứng với số tiền vốn góp vào Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng).

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc và thống nhất với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc thực hiện công tác bàn giao lại khu đất của dự án cũng như các khoản chi phí cần được hoàn trả bởi Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng và/hoặc nhà đầu tư mới của dự án.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Xi măng Nghi Sơn	872.610.611.500	35,00%	872.610.611.500	35,00%
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	814.863.899.899	35,00%	814.863.899.899	35,00%
Công ty Xi Măng Chinfon	194.035.068.000	14,44%	194.035.068.000	14,44%
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	36.611.500.000	48,17%	36.611.500.000	48,17%
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (*)	22.634.323.995	34,29%	22.634.323.995	49,00%
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	18.620.000.000	49,00%	18.620.000.000	49,00%
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000	38,45%
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	14.754.500.000	49,00%	14.754.500.000	49,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (**)	12.000.000.000	24,00%	12.000.000.000	24,00%
Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Hoàng Thạch	4.441.000.000	27,76%	4.441.000.000	27,76%
TỔNG CỘNG	2.005.951.403.394		2.005.951.403.394	
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>(11.040.000.000)</i>		<i>(9.000.000.000)</i>	

(*) Vào ngày 17 tháng 11 năm 2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã phê duyệt việc niêm yết bổ sung cổ phiếu thông qua hình thức chào bán bổ sung 1.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn. Tổng Công ty đã không mua cổ phiếu được phát hành bổ sung và theo đó, tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại công ty liên kết này đã giảm xuống còn 34,29% kể từ ngày này.

(**) Vào ngày 10 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 1658/Vicem-HĐTV tới Bộ Xây dựng đề nghị phê duyệt phương án thoái vốn tại đơn vị này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang chờ phê duyệt chính thức từ Bộ Xây dựng về phương án thoái vốn tại đơn vị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	342.169.399.950	342.169.399.950
Đầu tư dài hạn khác (ii)	2.841.750.611	3.836.032.193
TỔNG CỘNG	345.011.150.561	346.005.432.143
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác</i>	<i>(41.280.936.818)</i>	<i>(39.677.139.726)</i>

(i) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	9.073.815	97.543.511.250	9.073.815	97.543.511.250
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Kratie (*)	10.500.000	105.000.000.000	10.500.000	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie (*)	9.600.000	96.000.000.000	9.600.000	96.000.000.000
Công ty Cổ phần Tám lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (*)	3.402.366	43.625.888.700	3.402.366	43.625.888.700
TỔNG CỘNG	32.576.181	342.169.399.950	32.576.181	342.169.399.950
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</i>		<i>(41.280.936.818)</i>		<i>(39.677.139.726)</i>

(*) Tổng Công ty đã góp vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Kratie, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie và Công ty Cổ phần Tám lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai với tỷ lệ vốn điều lệ được nắm giữ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 tại các công ty này lần lượt là 13,31%, 12,52% và 12,5%.

Theo Quyết định số 1013/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam giai đoạn 2013 - 2015, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án tái cơ cấu tài chính và các khoản đầu tư của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ phải thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư tại các đơn vị nêu trên.

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 1231/BXD-QLDN về việc xây dựng phương án chuyển giao phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) theo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 4423/VPCP-ĐMDN ngày 7 tháng 6 năm 2016. Ngày 28 tháng 11 năm 2016, SCIC đã gửi Văn bản số 2725/ĐTKDV-ĐT2 trình Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định các nguyên tắc trong việc chuyển giao các khoản đầu tư này về SCIC và đến thời điểm hiện tại, các bên đang phối hợp xác định phương án chuyển giao để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Xây Dựng trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tám lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 1660/Vicem-HĐTV ngày 10 tháng 8 năm 2015 tới Bộ Xây dựng đề nghị phê duyệt phương án thoái vốn tại đơn vị này. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang chờ ý kiến phê duyệt chính thức từ Bộ Xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Đây là khoản đầu tư góp vốn đóng mới và kinh doanh tàu Hải Phòng 27 với trọng tải 3000DWT theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 312/HDKT ký ngày 27 tháng 11 năm 2007 với Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng (Traco Hải Phòng). Tổng giá trị vốn góp của Tổng Công ty là 10,4 tỷ đồng tương ứng với 30,89% giá trị con tàu. Hợp đồng hợp tác này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017 và sẽ được gia hạn nếu các bên tiếp tục có nhu cầu hợp tác.

Cũng căn cứ theo hợp đồng nêu trên và các thỏa thuận liên quan, phần lợi nhuận (lỗ) được chia và các khoản thu hồi khác được ghi nhận như sau:

- ▶ Chi phí khấu hao hàng năm của tàu Hải Phòng 27 và sẽ được hoàn trả bởi Traco Hải Phòng (dựa trên biên bản xác nhận định kỳ giữa các bên tham gia góp vốn) được xem như phần thu hồi khoản đầu tư và được ghi giảm trừ vào giá trị đầu tư tàu Hải Phòng 27;
- ▶ Phần lợi nhuận/(lỗ) sau thuế được chia từ hoạt động kinh doanh tàu Hải Phòng 27 (dựa trên biên bản xác nhận định kỳ giữa các bên tham gia góp vốn) được ghi nhận là doanh thu/(chi phí) tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã ghi giảm trừ giá trị đầu tư tương ứng với tỷ lệ phân chia chi phí khấu hao con tàu (đã được hoàn trả bởi Traco Hải Phòng) của năm 2015 với tổng số tiền là 994.281.582 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước tiền thuê đất dự án nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung Nghệ An, Đông Hồi	14.283.391.000	14.611.117.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	973.328.408	901.516.135
TỔNG CỘNG	15.256.719.408	15.512.633.135

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	80.452.982.690	80.452.982.690	97.259.510.363	97.259.510.363
- Công ty TNHH Vĩnh Phước	33.888.522.209	33.888.522.209	50.747.967.783	50.747.967.783
- Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192
- Phải trả đối tượng khác	21.374.066.289	21.374.066.289	21.321.148.388	21.321.148.388
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	102.140.276.304	102.140.276.304	112.777.299.259	112.777.299.259
TỔNG CỘNG	182.593.258.994	182.593.258.994	210.036.809.622	210.036.809.622

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND Số cuối năm
Phải nộp				
Lợi nhuận phải trả về ngân sách Nhà nước	67.447.937.828	179.495.368.516	(167.447.937.828)	79.495.368.516
Thuế giá trị gia tăng	10.539.432.881	26.143.825.793	(23.016.625.371)	13.666.633.303
Thuế thu nhập cá nhân	234.610.331	9.783.161.700	(9.394.278.091)	623.493.940
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.771.039	10.416.280.732	(10.426.051.771)	-
TỔNG CỘNG	78.231.752.079	225.838.636.741	(210.284.893.061)	93.785.495.759
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.1)	8.095.621.635	-	-	8.095.621.635
Thuế giá trị gia tăng	201.892.955	-	(201.892.955)	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.000	-	(10.000)	-
Thuế xuất khẩu nợ thừa	-	(14.903.787.921)	16.965.650.641	2.061.862.720
Các khoản phải thu Nhà nước khác	-	22.527.667	-	22.527.667
TỔNG CỘNG	8.297.524.590	(14.881.260.254)	16.763.747.686	10.180.012.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	18.070.240.240	18.075.096.090
Phải trả lãi vay	-	6.224.569.450
Phải trả cho nhà thầu phụ của CCID	539.784.273	705.022.405
Phải trả khác	2.777.359.115	1.411.531.788
TỔNG CỘNG	21.387.383.628	26.416.219.733

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ ủng hộ công tác xã hội và từ thiện nhân đạo (*)	34.365.395.212	29.993.079.907
Phải trả kinh phí hỗ trợ huyện nghèo	21.109.836.940	20.448.316.940
Phải trả kinh phí hỗ trợ miền Tây Nam Bộ	6.425.557.824	8.878.222.830
Kinh phí công đoàn	86.485.349	21.505.003
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.344.843.915	4.193.245.327
TỔNG CỘNG	66.332.119.240	63.534.370.007
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	64.810.119.240	61.926.225.007
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	1.522.000.000	1.608.145.000

(*) Đây là các quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng Công ty nhằm mục đích hỗ trợ các đơn vị thành viên gặp khó khăn và các hoạt động từ thiện xã hội khác được đóng góp bởi cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	36.892.807.962	17.704.245.347
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 19)	32.491.875.000	32.283.875.000
Sử dụng quỹ trong năm	(14.401.673.171)	(13.095.312.385)
Số cuối năm	54.983.009.791	36.892.807.962

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước					
Số đầu năm	12.360.202.074.843	97.859.545.560	383.453.459.604	12.024.699.723	12.853.539.779.730
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	104.461.584.755	104.461.584.755
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	31.338.475.427	(31.338.475.427)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(32.283.875.000)	(32.283.875.000)
- Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(52.863.934.051)	(52.863.934.051)
Số cuối năm	12.360.202.074.843	97.859.545.560	414.791.935.031	-	12.872.853.555.434
Trình bày lại (Thuyết minh số 29)					
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	41.805.649.571	41.805.649.571
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.541.694.871	(12.541.694.871)	-
- Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(29.263.954.700)	(29.263.954.700)
Số cuối năm (Trình bày lại)	12.360.202.074.843	97.859.545.560	427.333.629.902	-	12.885.395.250.305
Năm nay					
Số đầu năm (Trình bày lại)	12.360.202.074.843	97.859.545.560	427.333.629.902	-	12.885.395.250.305
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	302.838.919.308	302.838.919.308
- Nhận chuyển giao vốn nhà nước (Thuyết minh số 12.1)	645.762.900.000	-	-	-	645.762.900.000
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	90.851.675.792	(90.851.675.792)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(32.491.875.000)	(32.491.875.000)
- Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(179.495.368.516)	(179.495.368.516)
Số cuối năm	13.005.964.974.843	97.859.545.560	518.185.305.694	-	13.622.009.826.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nhận được kết quả xếp hạng doanh nghiệp năm 2016 do Bộ Xây dựng phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty đã cao hơn mức vốn điều lệ được phê duyệt là 927 tỷ đồng. Về vấn đề này, Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 2706/VICEM-TCKT ngày 21 tháng 12 năm 2016 tới Bộ Tài Chính báo cáo về việc tổng vốn chủ sở hữu cao hơn vốn điều lệ cũng như xin ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính cũng như đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho việc chưa phải nộp ngay khoản chênh lệch này cho đến thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam hoàn thành công tác cổ phần hóa. Sau đó, Bộ Tài chính cũng đã gửi Văn bản số 3453/BTC-TCĐN ngày 15 tháng 3 năm 2017 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vấn đề nêu trên và trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng Công ty chưa phải nộp ngay khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của Tổng Công ty cho đến khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam hoàn thành công tác cổ phần hóa.

20. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	18.063.862,63	14.906.507,59
- Euro (EUR)	75.388,98	75.319,44

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	671.323.043.410	618.196.918.099
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	301.649.323.347	345.782.904.229
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)</i>	369.673.720.063	272.414.013.870
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	671.323.043.410	618.196.918.099
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	1.366.940.307	2.079.226.758
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 27)</i>	669.956.103.103	616.117.691.341

(*) Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2016 bao gồm giá trị 357,7 tỷ đồng phí tư vấn chuyên giao kỹ năng quản lý, phát triển thị trường và tư vấn quản trị doanh nghiệp cho các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Phí tư vấn được xác định theo tỷ lệ doanh thu tiêu thụ xi măng, clinker, xi măng thuê gia công... căn cứ theo các hợp đồng tư vấn được ký kết với các đơn vị thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	629.055.870.861	655.239.023.496
Cổ phiếu thưởng và cổ tức trả bằng cổ phiếu (Thuyết minh số 3.14)	-	113.352.510.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.934.029.469	38.813.915.995
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.019.952.786	16.012.094.976
Lãi chuyển nhượng vốn	884.796.380	7.960.364.750
TỔNG CỘNG	<u>689.894.649.496</u>	<u>831.377.909.217</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán	301.649.323.347	345.782.904.229
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.796.758.835	18.368.376.104
TỔNG CỘNG	<u>315.446.082.182</u>	<u>364.151.280.333</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (Thuyết minh số 12)	649.436.035.680	906.245.838.626
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.109.180.375	738.732.995
Chi phí tài chính khác	264.542.977	881.724.297
Lãi tiền vay	-	2.528.444.444
Hoàn nhập chi phí tài chính liên quan đến chi phí bảo lãnh các khoản vay của Công ty Xi măng Hoàng Mai	-	(1.000.653.500)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(115.242.118.626)	(50.430.655.107)
TỔNG CỘNG	<u>539.567.640.406</u>	<u>858.963.431.755</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí bán hàng khác	166.618.821	283.676.787
TỔNG CỘNG	166.618.821	283.676.787
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	123.213.227.067	119.483.094.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.097.715.947	34.173.274.922
Chi phí hội nghị, tiếp khách	11.950.902.057	10.092.556.472
Cấp kinh phí cho Viện Công nghệ Xi măng	11.237.450.000	10.160.000.000
Khấu hao tài sản cố định	6.245.751.833	7.035.206.325
Thuế, phí lệ phí	5.742.149.649	7.463.123.935
Chi phí vật liệu quản lý	2.328.998.123	1.873.228.568
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.522.076.724	2.324.826.150
Chi phí quảng cáo	-	1.880.000.000
Chi phí bản quyền phần mềm Oracle	-	1.553.203.702
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.796.969.959	15.309.339.304
	215.135.241.359	211.347.853.571
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(17.339.269.902)	(137.960.537.866)
TỔNG CỘNG	197.795.971.457	73.387.315.705

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Chi phí nhân công	123.213.227.067	119.483.094.193
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.412.911.691	7.181.105.685
Chi phí hàng hóa và dịch vụ mua ngoài	328.622.245.837	348.677.093.536
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(15.817.193.178)	(135.635.711.716)
Chi phí khác	70.977.481.043	98.116.691.127
TỔNG CỘNG	513.408.672.460	437.822.272.825

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	667.829.562
TỔNG CỘNG	-	667.829.562

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	302.838.919.308	146.935.063.888
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(629.055.870.861)	(768.591.533.496)
Các chi phí không được khấu trừ	185.106.984	2.828.691.621
Các khoản tiền phạt	5.521.371.512	216.972.895
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm nay	(6.982.459.929)	(120.195.537)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm trước	120.195.537	3.981.257.746
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của năm trước	-	(411.962.909)
Lỗ điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	(327.372.737.449)	(615.161.705.792)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(8.095.621.635)	(8.224.041.944)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	667.829.562
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(539.409.253)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(8.095.621.635)	(8.095.621.635)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khoản lỗ lũy kế có thể được sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm/kỳ phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
2013 (*)	2018	253.465.324.197	-	-	253.465.324.197
2014 (*)	2019	185.669.640.742	-	-	185.669.640.742
2015 (*)	2020	615.161.705.792	-	-	615.161.705.792
2016 (**)	2021	327.372.737.449	-	-	327.372.737.449
		1.381.669.408.180	-	-	1.381.669.408.180

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế hoặc được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước.

(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tổng Công ty.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế nêu trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.



Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phí tư vấn	Chiếm, phi giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/dài hạn	Cổ tức/lợi nhuận được chia trong năm	Clinker, xi măng ủy thác xuất khẩu (thu hồi) gốc vay	Tặng do góp vốn, nhận bán giao vốn/(thoái vốn)	Mua bán hàng hóa	Bán thạch cao
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	10.231.651.950	2.478.088.400	12.113.888.891	-	30.739.278.210	-	-	29.292.273.998
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	66.281.487.685	78.544.892.533	-	234.622.253.461	948.278.287.373	-	-	31.095.638.507
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	4.534.576.373	16.101.934.752	24.078.958.334	-	81.965.646.433	551.374.877.566	-	40.696.150.563
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	58.321.744.694	137.092.127.755	-	-	554.876.949.976	-	-	113.298.840.311
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	37.100.024.686	6.004.341.235	1.299.277.778	-	31.292.851.406	246.000.000.000	-	71.520.884.531
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	19.545.031.267	-	-	-	-	-	501.354.545	13.389.818.677
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	124.140.754.978	-	1.250.296.822	-	-	-	2.229.695.460	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	1.104.627.048	-	-	1.433.810.000	-	-	299.293.606.587	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	5.328.837.466	-	-	-	-	8.680.000.000	256.579.500	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	406.000.230	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	1.007.592.917	-	-	1.789.307.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	4.891.592.404	-	2.412.000.000	23.570.065.200	-	4.000.000.000	-	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2016 bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phi tư vấn	Cước vận chuyển, phí giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/dài hạn	Cổ tức/lợi nhuận được chia trong năm	Clinker, xi măng ủy thác xuất khẩu	Cho vay dài hạn/(thu hồi gốc vay)	Tặng do góp vốn, nhận bàn giao vốn/(thoái vốn)	Mua bán hàng hóa	Bán thạch cao	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty liên kết	495.972.000	-	-	2.234.400.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết	600.269.131	-	-	2.469.199.200	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	86.220.311	-	-	543.020.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	8.794.206	-	-	268.360.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết	257.274.181	-	-	1.475.450.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	922.890.674	-	-	6.562.361.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh	-	-	-	96.625.260.000	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Công ty liên doanh	21.994.939.449	-	-	188.650.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh	-	-	-	66.847.550.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Công ty liên kết	-	-	-	1.076.635.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	479.399.263	-	-	888.200.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con	-	-	-	-	-	-	645.762.900.000	-	-	-

T.P. AM NH
H YOU
TY /2-06

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2015 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phí tư vấn	Cước vận chuyển, phí giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/dài hạn	Cổ tức/ lợi nhuận được chia, cổ phiếu thường trong năm	Clinker, xi măng ủy Bán hàng hóa/(mua hàng hóa)	Đơn vị tính: VND
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	3.662.163.444	19.224.745.656	11.320.833.333	-	-	33.452.115.656
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	59.832.227.367	33.364.524.264	-	351.934.482.196	417.164.089.301	50.508.378.767
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	4.272.039.473	-	12.375.694.444	-	-	36.096.322.646
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	Công ty con	47.435.013.972	103.038.979.453	-	-	114.959.611.817	101.828.052.667
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	28.519.000.196	17.411.422.736	1.826.240.232	-	103.523.065.815	65.462.117.609
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	21.845.834.836	-	-	15.327.540.000	-	37.407.988.892
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên 1	Công ty con	55.845.016.030	112.445.455	1.246.880.711	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	4.790.161.654	-	2.430.555.556	-	-	21.027.927.992
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty con	1.033.654.713	-	-	1.075.357.500	-	(345.782.904.229)
Công ty Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	4.727.781.402	-	2.840.400.000	112.448.848.200	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	1.025.461.940	-	-	20.191.880.000	-	-
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh	-	-	-	95.875.246.400	-	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Công ty liên doanh	19.451.530.438	-	-	44.028.425.000	-	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh	-	-	-	96.806.500.000	-	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 6, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ.

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)	Đơn vị tính: VND
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	43.797.840.934	-	200.000.000.000	20.434.722.224	-	-	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	-	-	-	234.622.253.461	29.370.024.265	-	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	42.910.468.843	40.000.000.000	736.000.000.000	22.589.927.438	-	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	43.328.472.941	-	-	-	26.980.441.298	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	37.367.190.337	-	246.000.000.000	1.299.277.778	90.512.111	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	9.619.387.449	-	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	71.581.704.648	-	17.568.573.607	314.282.261	-	-	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	764.294.532	-	-	-	45.699.298.630	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	7.673.673.690	-	-	3.477.328.608	-	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	2.674.183.200	-	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	637.572.667	-	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	3.005.201.697	20.000.000.000	-	2.412.000.000	-	-	

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty liên kết	272.292.900	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết	356.165.072	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	49.790.870	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	6.126.957	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	477.046.020	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Công ty liên doanh	6.478.196.086	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Đầu tư dài hạn khác	-	-	1.800.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	253.716.445	-	-	-	-	-	-
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	-	-	-	-	-	-	1.522.000.000	-
		271.253.325.288	60.000.000.000	1.199.568.573.607	286.949.791.770	102.140.276.304	1.522.000.000	

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)	Đơn vị tính: VND
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	20.641.463.425	-	200.000.000.000	14.718.990.035	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	3.318.919.122	-	-	351.934.482.196	30.084.323.566	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	71.574.828.551	200.000.000.000	50.000.000.000	14.396.904.914	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	28.002.776.008	-	-	11.526.262.700	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	99.781.568.701	-	-	-	271.536.348	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	18.946.066.707	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	37.544.998.516	-	17.568.573.607	628.564.522	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	740.919.423	-	-	-	82.421.439.345	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	12.206.353.579	-	-	4.477.328.608	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	3.873.878.922	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	542.103.403	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	2.457.349.267	-	24.000.000.000	2.840.400.000	-	-	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty liên kết	255.505.800	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết	284.041.516	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	52.771.960	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	5.167.771	-	-	3.039.786.666	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết	161.894.849	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	592.318.979	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Công ty liên doanh	6.139.286.628	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên kết	-	-	-	7.322.300.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết	-	-	-	1.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	281.169.785	-	-	-	-	-
Viện Công nghệ Xi măng	-	-	-	-	-	-	1.608.145.000
		307.403.382.912	200.000.000.000	291.568.573.607	412.685.019.641	112.777.299.259	1.608.145.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Bảo lãnh cho các khoản vay

Tổng Công ty bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với giá trị nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 172,2 tỷ đồng; khoản vay của Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 327,6 tỷ đồng và 100 tỷ đồng.

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 503,6 tỷ đồng liên quan đến việc xây dựng “Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem”; “Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy” và công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xuất xi măng rời tới tuyến xuất thủy tại Nhà máy Xi măng Hạ Long.

29. ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM TRƯỚC

Căn cứ theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước đề ngày 19 tháng 10 năm 2016 và sau khi tiến hành rà soát lại số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện các điều chỉnh hồi tố đối với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chủ yếu bao gồm các điều chỉnh giảm dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi và dự phòng tổn thất đầu tư tài chính. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

*Ngày 31 tháng 12
năm 2015 (đã được
trình bày trước đây)*

*Ngày 31 tháng 12
năm 2015*

Trình bày lại (được trình bày lại)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	44.262.767.194	(24.525.029.872)	19.737.737.322
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.527.065.143.839	(17.280.619.699)	1.509.784.524.140
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	48.967.797.379	29.263.954.700	78.231.752.079
Quỹ đầu tư phát triển	414.791.935.031	12.541.694.871	427.333.629.902

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Chi phí tài chính	876.244.051.454	(17.280.619.699)	858.963.431.755
Chi phí quản lý doanh nghiệp	97.912.345.577	(24.525.029.872)	73.387.315.705
Tổng lợi nhuận trước thuế	105.129.414.317	41.805.649.571	146.935.063.888
Lợi nhuận sau thuế	104.461.584.755	41.805.649.571	146.267.234.326

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tổng lợi nhuận trước thuế	105.129.414.317	41.805.649.571	146.935.063.888
Các khoản dự phòng	760.984.467.874	(41.805.649.571)	719.178.818.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.



Người lập
Trịnh Thị Hương



Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung



Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng



Ngày 20 tháng 3 năm 2017